



MẪU NHÃN

CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC

- Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng.

BẢO QUẢN:

- Nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30°C.

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Tiêu chuẩn: TCCS

SDK:

LSX:

NSX:

HSD:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3
Tòa 3A, Số 11, và Đại lộ Phạm Văn Đồng, Phường Đồng Tâm, Quận Đống Đa, Hà Nội
Hotline: 090 30 30 30 (tư vấn miễn phí) - Email: info@trungtamthuoc.com

L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g

LOLA FORLIVER

GMP - WHO

Rx Thuốc kê đơn

LOLA FORLIVER

L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g

Rx Thuốc kê đơn

Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các bệnh kèm theo và biến chứng do suy giảm khả năng giải độc của gan (như xơ gan) với các triệu chứng tiềm ẩn và biểu hiện của bệnh não gan.

Hộp 30 gói x 10 g

THÀNH PHẦN: Mỗi gói 10 g thuốc gồm chứa:
L-Ornithine L-Aspartate (chứa hoạt chất L-Ornithine) 6,0 g
Thành phần tá dược: Mannitol, sucralose, croscellose K30, methylparaben, propylparaben, hương trái cây tổng hợp dạng bột (M cam).

CHỈ ĐỊNH:

- Điều trị các bệnh kèm theo và biến chứng do suy giảm khả năng giải độc của gan (như xơ gan) với các triệu chứng tiềm ẩn và biểu hiện của bệnh não gan.

CÁCH DÙNG - LIỀU DÙNG:

Liều thông thường 1 gói/ lần x 3 lần/ ngày.
Hòa thuốc bột vào một cốc nước ấm, uống ngay hoặc sau bữa ăn. Thuốc bột sau khi hòa trong nước cần uống ngay, không nên để lâu trong ngày.
Trẻ em và trẻ vị thành niên: Không khuyến cáo dùng cho đối tượng này để đảm bảo độ hiệu an toàn - Hiệu quả.

Rx Thuốc kê đơn

LOLA FORLIVER

L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g

Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các bệnh kèm theo và biến chứng do suy giảm khả năng giải độc của gan (như xơ gan) với các triệu chứng tiềm ẩn và biểu hiện của bệnh não gan.

Hộp 30 gói x 10 g

Rx Thuốc kê đơn

LOLA FORLIVER

L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g

Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các bệnh kèm theo và biến chứng do suy giảm khả năng giải độc của gan (như xơ gan) với các triệu chứng tiềm ẩn và biểu hiện của bệnh não gan.

Hộp 30 gói x 10 g



MẪU NHÃN

CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁCH THÔNG TIN KHÁC:
- Xem trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.
DẠNG BAO CHẾ: Thuốc viên phân dùng uống.
BẢO QUẢN:
- Nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30°C.
- Để xa tầm tay trẻ em
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Tiêu chuẩn: TCCS
SDK:
LSX:
NSK:
HSD:


CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG S
Thị trấn Lê Lợi - TP. Hải Phòng - Đ. Hồng Bàng - Hải Phòng
ĐT: 0225 30 26 30 - Fax: 0225 30 26 31 - Email: info@trungtamthuoc.com



L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g

LOLAFORLIVER

GMP - WHO

Rx Thuốc kê đơn

LOLAFORLIVER

L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g

Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các bệnh kèm theo và biến chứng do suy giảm khả năng giải độc của gan (như xơ gan) với các triệu chứng tiềm ẩn và biểu hiện của bệnh não gan.



Hộp 20 gói x 10 g

THÀNH PHẦN: Mỗi gói 10 gói thuốc viên chứa:
L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g
Thành phần khác: Mannitol, sucralose, citric acid, polydextrose K30, methylparaben, propylparaben, hương trái cây tổng hợp dạng bột (vị cam).

CHỈ ĐỊNH:
- Điều trị các bệnh kèm theo và biến chứng do suy giảm khả năng giải độc của gan (như xơ gan) với các triệu chứng tiềm ẩn và biểu hiện của bệnh não gan.

CÁCH DÙNG - LIỀU DÙNG:
- Uống trước hoặc 1 giờ sau ăn 3 lần/ngày.
- Hòa thuốc viên vào một cốc nước lớn, uống xong hoặc sau bữa ăn. Thuốc viên sau khi hòa trong nước cần uống ngay, không nên để lâu trong ngày.
- Trẻ em và trẻ vị thành niên không khuyến cáo dùng (do độ trong này có chứa độ đậm đặc an toàn - liều quá).

GMP - WHO

Rx Thuốc kê đơn

LOLAFORLIVER

L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g

Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các bệnh kèm theo và biến chứng do suy giảm khả năng giải độc của gan (như xơ gan) với các triệu chứng tiềm ẩn và biểu hiện của bệnh não gan.



Hộp 20 gói x 10 g



MẪU NHÃN

CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

- Xem trong các hướng dẫn sử dụng.

DẠNG BẢO CHẾ: Thuốc có dạng viên nén.

BẢO QUẢN:

- Nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30°C.

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Tiêu chuẩn: TCCS

SDK:

LSX:

NSX:

HSD:


CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG
Thị xã Xã Tân Lạc, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Số điện thoại: 0351 351 351 - Fax: 0351 351 351 - Email: info@foripharma.com.vn



L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g

LOLA FORLIVER

GMP - WHO

Rx Thuốc kê đơn

GMP - WHO

LOLA FORLIVER

L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g

Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các bệnh kèm theo và biến chứng do suy giảm khả năng giải độc của gan (như xơ gan) với các triệu chứng tiềm ẩn và biểu hiện của bệnh não gan.



Hộp 10 gói x 10 g

THÀNH PHẦN: Mỗi gói 10 g thuốc gồm chứa:
L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g
Thành phần tá dược: Mannitol, sucrose, citric acid, povidone K80, methylparaben, propylparaben, hương trái cây tổng hợp dạng bột (tự nhiên).

CHỈ ĐỊNH:

- Điều trị các bệnh kèm theo và biến chứng do suy giảm khả năng giải độc của gan (như xơ gan) với các triệu chứng tiềm ẩn và biểu hiện của bệnh não gan.

CÁCH DÙNG - LIỀU DÙNG:

Liều dùng thông thường: 1 gói/1 lần/3 lần/ngày.

Thuốc có thể hòa với một cốc nước ấm hoặc uống sau bữa ăn. Uống kèm với thức ăn hoặc nước uống ngay. Không nên để lâu trong ngày.

Trẻ em và trẻ vị thành niên: Không khuyến cáo dùng cho đối tượng này do chưa đủ dữ liệu an toàn - hiệu quả.

Rx Thuốc kê đơn

GMP - WHO

LOLA FORLIVER

L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g

Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các bệnh kèm theo và biến chứng do suy giảm khả năng giải độc của gan (như xơ gan) với các triệu chứng tiềm ẩn và biểu hiện của bệnh não gan.



Hộp 10 gói x 10 g



MẪU NHÃN

Rx Thuốc kê đơn

GMP - WHO

LOLA FOR LIVER

L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g

Gói cốm 10 g

Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các bệnh kèm theo và biến chứng do suy giảm khả năng giải độc của gan (như xơ gan) với các triệu chứng tiềm ẩn và biểu hiện của bệnh não gan.

THÀNH PHẦN: Mỗi gói 10 g thuốc cốm chứa:
L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g
Thành phần tá dược: Mannitol, sucralose, citric acid, povidone K30, methylparaben, propylparaben, hương trái cây tổng hợp dạng bột (vị cam).

CHỈ ĐỊNH: Điều trị các bệnh kèm theo và biến chứng do suy giảm khả năng giải độc của gan (như xơ gan) với các triệu chứng tiềm ẩn và biểu hiện của bệnh não gan.

CÁCH DÙNG - LIỀU DÙNG:
Liều thông thường 1 gói/ lần x 3 lần/ ngày.
Hoà thuốc cốm vào một cốc nước lớn, uống cùng hoặc sau bữa ăn. Thuốc cốm sau khi hoà trong nước cần uống ngay, không nên để lâu trong ngày.
Trẻ em và trẻ vị thành niên: Không khuyến cáo dùng cho đối tượng này do chưa đủ dữ liệu an toàn - hiệu quả.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:
- Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng.

BẢO QUẢN: Nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30°C.

DẠNG BẢO CHẾ: Thuốc cốm pha dung dịch uống.
Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Tiêu chuẩn: TCCS
SDK:
LSX:
NSX:
HSD:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3
Trụ sở: Số 16 Lê Đại Hành, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng
Nhà máy: Số 28, đường 351, Quận Hoàng, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

Rx Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

GMP - WHO

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

1. Tên thuốc: **LOLAFORLIVER**

2. Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc:

“Để xa tầm tay của trẻ em”

“Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”

3. Thành phần công thức thuốc: Mỗi gói 10 g thuốc cốm chứa:

Thành phần dược chất:

L-Ornithine L-Aspartate 6,0 g

Thành phần tá dược:

Mannitol, sucralose, citric acid, povidone K30, methylparaben, propylparaben, hương trái cây tổng hợp dạng bột (vị cam).

4. Dạng bào chế:

Thuốc cốm pha dung dịch uống.

(Thuốc cốm màu trắng hay ngà vàng, khô toi không vón cục, mùi thơm, vị ngọt).

5. Chỉ định:

Điều trị các bệnh kèm theo và biến chứng do suy giảm khả năng giải độc của gan (như xơ gan) với các triệu chứng tiềm ẩn và biểu hiện của bệnh não gan.

6. Cách dùng và liều dùng:

Liều thông thường 1 gói/ lần $\times$ 3 lần/ ngày.

Hoà thuốc cốm vào một cốc nước lớn, uống cùng hoặc sau bữa ăn. Thuốc cốm sau khi hoà trong nước cần uống ngay, không nên để lâu trong ngày.

Trẻ em và trẻ vị thành niên: Không khuyến cáo dùng cho đối tượng này do chưa đủ dữ liệu an toàn – hiệu quả.

7. Chống chỉ định:

Các trường hợp nhạy cảm với L-ornithine L-aspartate hay bất cứ thành phần nào của thuốc.

Suy thận nặng. Trường hợp lượng creatinin trong huyết thanh vượt quá 3 mg/100 ml cần hết sức thận trọng khi dùng.

8. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

Không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

Trẻ em và trẻ vị thành niên: Không khuyến cáo dùng cho đối tượng này do chưa đủ dữ liệu an toàn – hiệu quả.

Sản phẩm này có chứa Methylparaben và Propylparaben có thể gây ra phản ứng dị ứng (có thể xảy ra chậm).

9. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:



- **Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai:** Chưa có dữ liệu về sử dụng Ornithine aspartate trên phụ nữ có thai. Dữ liệu về độc tính trên sinh sản của động vật còn hạn chế. Do đó, không nên dùng Ornithine aspartate cho phụ nữ có thai. Tuy nhiên, nếu cần kê đơn Ornithine aspartate, phải cân nhắc kỹ lợi ích - rủi ro trước khi sử dụng.

- **Sử dụng thuốc cho phụ nữ đang cho con bú:** Chưa rõ Ornithine aspartate có được bài tiết vào sữa mẹ hay không. Do đó, không nên dùng Ornithine aspartate cho phụ nữ đang cho con bú. Tuy nhiên, nếu cần kê đơn Ornithine aspartate, phải cân nhắc kỹ lợi ích - rủi ro trước khi sử dụng.

10. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Chưa ghi nhận các tác dụng bất lợi của Ornithine aspartate ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc. Tuy nhiên, các bệnh nhân được kê đơn Ornithine aspartate đang có bệnh mạn tính, nên cần cân nhắc tình trạng sức khoẻ trước khi tiến hành các hoạt động này.

11. Tương tác, tương kỵ của thuốc:

Tương tác: Không có báo cáo cho thấy tương tác với các thuốc khác.

Tương kỵ: Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

12. Tác dụng không mong muốn của thuốc (ADR):

Việc đánh giá, phân loại tần suất được thực hiện trên thanh đánh giá sau:

Rất thường gặp: $\geq 1/10$; Thường gặp: $\geq 1/100$ đến $<1/10$; Ít gặp: $\geq 1/1.000$ đến $<1/100$; Hiếm gặp: $\geq 1/10.000$ đến $<1/1.000$; Rất hiếm gặp: $<1/10.000$; Không rõ: chưa ước tính được từ dữ liệu hiện có.

Các bệnh về đường tiêu hoá:

Ít gặp: Buồn nôn, nôn, đau dạ dày, đầy hơi, tiêu chảy.

Các bệnh về cơ xương khớp và mô liên kết:

Rất hiếm gặp: Đau nhức chân tay.

Tuy nhiên, các tác dụng không mong muốn này thường chỉ thoáng qua và không cần thiết phải ngừng dùng thuốc.

Báo cáo các phản ứng có hại khi sử dụng thuốc:

Việc báo cáo các tác dụng không mong muốn nghi ngờ sau khi thuốc được cấp phép lưu hành là rất quan trọng. Điều này cho phép tiếp tục theo dõi, đánh giá lợi ích/nguy cơ khi sử dụng của thuốc. Các chuyên gia y tế được yêu cầu báo cáo bất kỳ tác dụng không mong muốn của thuốc tới Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc. (Website: <http://canhgiacduoc.org.vn>)

***Chú ý:** “Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.”

13. Quá liều và xử trí:

Chưa ghi nhận bất kỳ triệu chứng nhiễm độc nào khi dùng quá liều Ornithine aspartate.



Khi dùng quá liều, tiền hành điều trị triệu chứng thích hợp.

14. Đặc tính dược lực học:

Nhóm dược lý: Thuốc điều trị bệnh gan bệnh não gan tiềm ẩn và biểu hiện.

Mã ATC: A05BA17

L-Ornithine L-aspartate thể hiện các đặc tính dược lực học trong cơ thể thông qua hai acid amin: ornithine và aspartate, trên hai con đường chuyển hoá thải độc amoni: chu trình tổng hợp ure và tổng hợp glutamine.

Chu trình tổng hợp ure xảy ra ở các tế bào gan khoảng cửa. Trong các tế bào này, ornithine có vai trò vừa hoạt hoá 2 enzyme ornithine carbamoyltransferase và carbamoyl phosphate synthetase, vừa là cơ chất của chu trình tổng hợp ure.

Chu trình tổng hợp glutamine xảy ra ở các tế bào gan quanh tĩnh mạch trung tâm. Cụ thể, trong tình trạng bệnh lý, aspartate và các dicarboxylate khác, bao gồm các chất chuyển hoá của ornithine sẽ được thu nhận vào tế bào và dùng để cố định amoni dưới dạng glutamine. Glutamate cả trong sinh lý hay bệnh lý đều đóng vai trò acid amin giúp cố định amoni. Chất tổng hợp được, glutamine, không chỉ là một hợp chất amin cố định không gây độc, mà còn hoạt hoá chu trình ure quan trọng (trao đổi glutamine liên bào). Trong sinh lý bình thường, ornithine và aspartate không giới hạn chỉ tham gia chu trình tổng hợp ure.

Dữ liệu thực nghiệm trên động vật cho thấy việc tăng tổng hợp glutamine là một cơ chế giúp giảm và thải độc amoni. Ở một số thử nghiệm lâm sàng nhỏ, đã ghi nhận cải thiện tỉ lệ giữa các amoni acid mang chuỗi nhánh và amino acid mang vòng thơm.

15. Đặc tính dược động học:

L-ornithine L-aspartate được hấp thu nhanh chóng tại ruột và được tách thành ornithine và aspartate. Cả 2 amino acid này đều có thời gian bán thải thấp, khoảng 0,3-0,4 giờ. Một phần aspartate được thải qua nước tiểu ở nguyên dạng.

16. Qui cách đóng gói:

Hộp 10 gói x 10 gam; Hộp 20 gói x 10 gam; Hộp 30 gói x 10 gam. (Gói giấy ghép nhôm).

17. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc:

- **Điều kiện bảo quản:** Nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30°C.
- **Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- **Tiêu chuẩn chất lượng:** TCCS.

18. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Trụ sở: Số 16 Lê Đại Hành, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng

Nhà máy: Số 28, đường 351, Quỳnh Hoàng, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

